

Số: **3470**/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày **20** tháng **7** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định lập dự toán đối với một số nội dung chi thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện sử dụng nguồn kinh phí tự chủ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật số 125/2025/QH15 Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 004/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá của gói thầu;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành định mức chi đối với một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22/11/2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐHV ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tài chính của Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 15/01/2022 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo quyết định số 1368/QĐ-HVN ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tài chính và Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lập dự toán đối với một số nội dung chi thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện sử dụng nguồn kinh phí tự chủ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

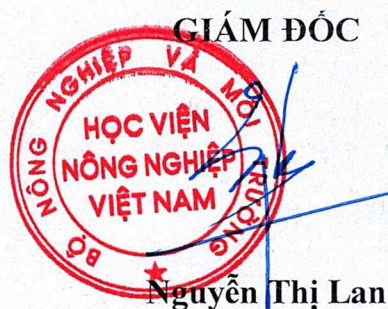
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKT (04).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lan

QUY ĐỊNH

Lập dự toán đối với một số nội dung chi thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện sử dụng nguồn kinh phí tự chủ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số ~~47~~ /QĐ-HVN ngày ~~20~~ tháng ~~7~~ năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định việc lập dự toán đối với một số nội dung chi thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện và trọng điểm cấp Học viện (sau đây gọi chung là cấp Học viện) sử dụng nguồn kinh phí tự chủ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi là Học viện).

Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ, viện trợ, đặt hàng, hợp đồng hoặc nguồn kinh phí khác có quy định riêng thì thực hiện theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ, hợp đồng, thỏa thuận với nhà tài trợ; quy định của cơ quan, tổ chức cấp kinh phí.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với các đơn vị, cá nhân quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3: Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức lập dự toán quy định tại Quyết định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện. Căn cứ vào tổng kinh phí được phân bổ, đặc thù của từng lĩnh vực nghiên cứu, Ban Tài chính và Kế toán phối hợp với Ban Khoa học và Công nghệ tham mưu Giám đốc Học viện phê duyệt đảm bảo không vượt quá mức quy định ban hành tại Quyết định này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các văn bản quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4: Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước Học viện trong việc xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện.

c) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thư ký khoa học

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: hỗ trợ theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có một thư ký khoa học.

3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Trong một nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung nghiên cứu được chủ trì thực hiện bởi một thành viên chính.

4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông).

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 5: Hệ số lao động khoa học của các chức danh

Hệ số lao động khoa học của chức danh được quy định như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

Điều 6. Khung định mức dự toán chi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ.

2. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện như sau:

STT	Chức danh	Định mức (đồng/tháng)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện	20.000.000
2	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Học viện	30.000.000

3. Thời gian để xác định dự toán để chi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là thời gian quy đổi theo tháng của một chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ được Hội đồng tuyển chọn xem xét và Giám đốc Học viện phê duyệt. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 26 ngày.

Điều 7: Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ theo chức danh và nhóm chức danh

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ, thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 1,0 * DM_{CN} * 20\% * T$$

Trong đó:

TL_{CN} : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

3. Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,3 * DM_{CN} * 20\% * T$$

Trong đó:

TL_{TK} : Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

4. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} * DM_{CN} * \sum t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại Điều 4 Quy định này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại Điều 5 của Quy định này;

+ DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

+ $\sum t_{NCD}$: Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ cả nhóm chức danh.

5. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau.

$$TL_{NCD} = H_{CD} * DM_{CN} * (\sum t_n / 26)$$

Trong đó:

+ TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại Điều 4 Quy định này;

+ H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại Điều 5 của Quy định này;

+ DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

+ $\sum t_n/26$: Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ($t_n < 26$).

Điều 8: Dự toán thuê chuyên gia và lao động phổ thông phối hợp, thực hiện nghiên cứu.

1. Thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Thuê chuyên gia trong nước:

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho Hội đồng tuyển chọn đánh giá xem xét, trình Giám đốc phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia.

Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước được xây dựng và phê duyệt làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian. Mức chi cụ thể như sau:

- Mức chi không quá 25.000.000 đồng/tháng đối với chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn hoặc chuyên gia có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

- Mức chi không quá 20.000.000 đồng/tháng đối với chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn hoặc có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

- Mức chi không quá 15.000.000 đồng/tháng đối với chuyên gia tư vấn có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn hoặc có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Quy định này.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước cao hơn 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao thực hiện nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ phải giải trình cụ thể lý do để Giám đốc Học viện xem xét, quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Quy định này.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước cao hơn 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao thực hiện nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ phải giải trình cụ thể lý do để Giám đốc Học viện xem xét, quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê lao động phổ thông, lao động khác phục vụ triển khai nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ. Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

Điều 9: Dự toán mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng và văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1. Dự toán về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến được xây dựng căn cứ số lần thí nghiệm, số lần thử nghiệm, số lượng mô hình dự kiến và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng. Dự toán chi mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc và định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) và giá niêm yết trên thị trường hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

2. Dự toán chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Điều 10: Định mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học.

STT	Nội dung chi	ĐVT	Định mức chi	
			Cấp HV trọng điểm	Cấp HV
1	Người chủ trì	Đồng/buổi	750.000	500.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/buổi	300.000	200.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/báo cáo	1.000.000	600.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Đồng/báo cáo	500.000	300.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, tọa đàm, diễn đàn khoa học	Đồng/người/buổi	100.000	100.000
6	Chi giải khát giữa giờ	Đồng/người/buổi	50.000	50.000

Điều 11: Dự toán chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu

1. Xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra: Tối đa không quá 05 triệu đồng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Học viện và không quá 03 triệu đồng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện.

2. Chi công thuê ngoài (nếu có):

- Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra (chỉ thực hiện với trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra khảo sát được tiến hành lần đầu tiên), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch.

- Mức chi: Mức tiền công bình quân thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra, khảo sát. Trong phạm vi kinh phí được giao, tùy vào địa bàn cụ thể Tổ tư vấn thẩm định tài chính tham mưu cho Giám đốc Học viện quyết định mức thanh toán tiền công thuê ngoài cho phù hợp. Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

Trường hợp thuê ngoài công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị nhà nước rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra, thực hiện điều tra, phúc tra phiếu điều tra thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công của điều tra viên được quy định ở trên.

3. Công tác phí đi điều tra: Chi theo định mức chi công tác phí được Quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

4. Chi xử lý, tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra: Tối đa không quá 05 triệu đồng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Học viện và không quá 03 triệu đồng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện.

5. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, mức chi cụ thể như sau:

DVT: Đồng/phiếu

STT	Chỉ tiêu	Định mức
I	Đối với cá nhân	
1	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	40.000
2	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	50.000
3	Trên 40 chỉ tiêu	60.000
II	Đối với tổ chức (không gồm cơ quan, đơn vị của nhà nước)	
1	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	85.000
2	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	100.000
3	Trên 40 chỉ tiêu	115.000

Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan, đơn vị của nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định cho đối tượng là cơ quan, tổ chức ở trên.

Điều 12: Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ, phí đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ sản phẩm khoa học và công nghệ.

Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ, phí đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ sản phẩm khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở số lượng công trình dự kiến công bố, số lượng sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu và kết quả dự kiến của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mức phí công bố của từng tạp chí, mức phí công bố niêm yết công khai của các nhà xuất bản và mức phí đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho sản phẩm khoa học và công nghệ tại thời điểm lập dự toán; phí chuyển khoản và nghĩa vụ thuế (nếu có).

Điều 13: Dự toán chi các nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu:

Đơn vị tính: Đồng/người

STT	Nội dung công việc	Định mức chi	
		Cấp HV trọng điểm	Cấp HV
1	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
	Chủ tịch Hội đồng	400.000	300.000
	Ủy viên, phản biện	500.000	400.000
	Ủy viên	300.000	200.000
	Ủy viên, thư ký	350.000	250.000
2	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	400.000	300.000
	Thành viên tổ thẩm định	300.000	200.000
	Thư ký hành chính	200.000	150.000
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
	Chủ tịch Hội đồng	500.000	400.000
	Ủy viên, phản biện	600.000	500.000
	Ủy viên	400.000	300.000
	Ủy viên, thư ký	450.000	350.000

Ghi chú: Nội dung chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp cá nhân chủ nhiệm; chi Tổ tư vấn thẩm định tài chính và chi Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc chi thường xuyên của Học viện do Ban Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề nghị thanh toán, không thuộc dự toán chi nội dung quản lý của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Dự toán chi hội đồng nghiệm thu sản phẩm trung gian, nghiệm thu cấp cơ sở được xây dựng trên cơ sở số thành viên tham gia đánh giá theo quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Học viện.

c) Dự toán chi kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở số thành viên tham gia kiểm tra, đánh giá định kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tương ứng.

d) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi cho Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tương ứng.

đ) Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Trong trường hợp cần thiết, Ban Giám đốc Học viện quyết định thuê chuyên gia tư vấn độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi (gồm thù lao của chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện) của Hội đồng tương ứng.

Điều 14: Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tối đa bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tương ứng.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện

1. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể cán bộ viên chức, người lao động để thống nhất thực hiện trong toàn Học viện.

2. Ban Tài chính và Kế toán chủ trì, phối hợp với Ban Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Học viện để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo đúng quy định pháp luật./.

Điều 16: Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt dự toán trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực

hiện nhiệm vụ. Trường hợp nhiệm vụ đang trong quá trình thẩm định nhưng chưa phê duyệt tại thời điểm Quy định này có hiệu lực thì áp dụng theo Quy định mới, trừ trường hợp Giám đốc Học viện có quy định khác.

Điều 17: Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký, bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật mà Quy định này trích dẫn áp dụng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản mới tương ứng.

